

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/HS-ST

Ngày 27/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Gia Khánh

Ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2021/TLST-HS ngày 27/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2021/QĐXXST-HS, ngày 13/5/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 2000, tại huyện L, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: không xác định và mẹ đẻ bà Trần Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. “có mặt”.

- Bị hại: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

- Người làm chứng:

Anh Trần Hữu L1 “có mặt”

Anh Vũ Văn T1 “vắng mặt”

Chị Nguyễn Thị Phương T2 “vắng mặt”

Cháu Nguyễn Anh T3 (người giám hộ chị Phạm Thị T4 là mẹ đẻ cháu Thúy) “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 04/02/2021, Trần Văn T đi bộ qua nhà chị Phạm Thị M, sinh năm 1993, trú tại xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, thấy không có ai ở nhà, cửa bên hông nhà đã cũ, không khóa chỉ cài chốt nên T nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. T dùng tay kéo cửa làm cửa bung ra. T đi vào phòng ngủ nhà chị M, mở cửa tủ quần áo thì thấy 01 ví màu xám mở ra thấy bên trong có số tiền 4.000.000 đồng nên đã lấy hết số tiền này bỏ vào túi quần bên trái của mình rồi bỏ ví lại vào tủ, đóng cửa tủ lại. Sau đó, T tiếp tục đến giường ngủ của chị M để lục đồ, T thấy có thỏi son ở đầu giường, T lấy tô lên môi, sau đó lấy chiếc áo thun màu vàng lau vết son trên môi đi và bỏ thỏi son vào ngăn kéo tủ ở đầu giường, chiếc áo thun màu vàng lau vết son T vứt lại trên giường. Sau đó, T đi ra ngoài theo lối cũ rồi về nhà ông Vũ Văn T, sinh năm 1966, ở cùng xóm A, xã K, huyện K nơi T làm phụ hồ thuê. Buổi chiều cùng ngày T cầm số tiền đã trộm cắp của chị M đi tiêu sài cá nhân hết 940.000 đồng, số tiền còn lại là 3.060.000 đồng, T cất giấu trong người. Sau khi về nhà, phát hiện bị mất số tiền 4.000.000 đồng để trong tủ nên chị M đã trình báo Cơ quan công an. Quá trình triệu tập làm việc T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 3.060.000 đồng đã trộm cắp của chị M. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ: 01 điện thoại Samsung J7 Prime, màu bạc và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T của T; thu giữ của chị M 01 ví da màu xám KT (23,5 x 12)cm, 01 áo thun màu vàng bím dính son, 01 thỏi son màu đỏ của chị M; thu giữ số tiền 70.000 đồng của chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983, trú cùng xóm nhà chị M - là chủ quán tạp hóa T đã mua khẩu trang y tế; 01 hộp khẩu trang y tế nhãn hiệu “Xuân Dương” đã sử dụng của Triệu.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị Phạm Thị M 01 ví da màu xám, 01 áo thun màu vàng, 01 thỏi son màu đỏ là các tài sản của chị Phạm Thị M.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 22/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát giáo dục, trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo Triệu từ 05% đến 10% trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về vấn đề dân sự: Bị cáo T đã bồi thường cho chị Phạm Thị M số tiền 4.000.000 đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Thị P số tiền 70.000 đồng. Chị M, chị P đã nhận đủ số tiền trên và không có đề nghị gì thêm.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Tịch thu tiêu hủy 01 hộp khẩu trang y tế nhãn hiệu “Xuân Dương”; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Sam Sung J7 Prime, màu bạc; 01 ví da màu đen; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T đây là tài sản, giấy tờ của Trần Văn T không liên quan đến việc phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản ảnh chụp hiện trường, cũng như lời khai của người bị hại, người làm chứng đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ ngày 04/02/2021, tại nhà chị Phạm Thị M, sinh năm 1993; trú tại xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp số tiền 4.000.000 đồng của chị Phạm Thị M. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, nên cần phải xử lý trước pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường được toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng giúp bị cáo nhìn nhận ra lỗi lầm của mình để sửa chữa trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người đang trong độ tuổi lao động, có thu nhập, nên cần phải phạt bổ sung bị cáo bằng hình thức khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 ví da màu xám, 01 áo thun màu vàng, 01 thoi son màu đỏ là các tài sản của chị Phạm Thị M. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị Phạm Thị M là có căn cứ.

- Đối với 01 điện thoại Sam Sung J7 Prime màu bạc; 01 ví da màu đen; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T. Đây là tài sản, giấy tờ của Trần Văn T không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 hộp khẩu trang y tế nhãn hiệu “Xuân Dương”. Đây là vật do phạm tội hoặc mua bán mà có, giá trị sử dụng còn lại thấp, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Triệu có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp khẩu trang y tế nhãn hiệu “Xuân Dương”.
- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Sam Sung J7 Prime màu bạc; 01 ví da màu đen; 01 thẻ căn cước công dân. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo; người bị hại;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng